TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN IA GRAI** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 25/2019/DS-ST
Ngày 14 tháng 8 năm 2019
"V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN IA GRAI, TỈNH GIA LAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: Ông Nguyễn Văn Huy.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Mý và ông Trần Quốc Bảo

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Thắm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa*: Bà Lê Thị Kim Dung – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 47/2019/TLST-DS ngày 07 tháng 5 năm 2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2019/QĐST-DS ngày 05 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng C; địa chỉ: Khu C, bán đảo L, phường H, quận M, thành phố Hà Nội;

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Huỳnh Xuân Tr – Phó giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai; địa chỉ: số X, đường H, thị trấn K, huyện G, tỉnh Gia Lai; theo quyết định ủy quyền số 24/QĐ-NHCS ngày 22/6/2017 của Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện G, tỉnh Gia Lai. Có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Tất B và bà Nguyễn Thị Thanh N

Cùng địa chỉ: Làng D, xã B, huyện G, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ghi ngày 09/4/2019, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Huỳnh Xuân Tr trình bày như sau:

Ngân hàng C có cho hộ gia đình bà Nguyễn Thị Thanh N, bao gồm bà

Nguyễn Thị Thanh N và ông Nguyễn Tất B vay vốn theo hai chương trình vay, cụ thể như sau:

Cho vay theo chương trình Hộ sản xuất kinh doanh tại vùng kinh tế, xã hội khó khăn với số tiền 30.000.000đ, lãi suất cho vay trong hạn là 0,75%/tháng (9%/năm), lãi suất quá hạn 0,975%/tháng (11,7%/năm), đã giải ngân vào ngày 14/12/2017, thời hạn trả nợ đến ngày 14/12/2020. Các bên thỏa thuận trả nợ gốc chia làm ba lần, mỗi lần 10.000.000đ, trả nợ lãi hàng tháng. Bà N và ông B chỉ trả lãi đến ngày 13/10/2018 là 2.248.767đ, chưa trả tiền gốc.

Cho vay theo chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn với số tiền 12.000.000đ, lãi suất cho vay trong hạn là 0,75%/tháng (9%/năm), lãi suất quá hạn 0,975%/tháng (11,7%/năm), đã giải ngân vào ngày 14/12/2017, thời hạn trả nợ đến ngày 14/12/2022. Các bên thỏa thuận trả nợ gốc chia làm 4 lần, mỗi lần 2.400.000đ, trả nợ lãi hàng tháng. Bà N và ông B chỉ trả lãi đến ngày 13/10/2018 là 899.507đ, chưa trả tiền gốc.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà N và ông B đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc, nợ lãi hàng tháng và đã bỏ đi khỏi địa phương. Do đó, Ngân hàng C yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị Thanh N và ông Nguyễn Tất B phải trả số tiền vay, cụ thể:

Tiền gốc là 42.000.000đ, tiền lãi tính đến ngày 14/8/2019 là 3.148.274đ và tiền lãi phát sinh đến khi trả nợ xong.

- *Ý kiến của bị đơn:* Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là bà Nguyễn Thị Thanh N và ông Nguyễn Tất B vắng mặt, không có ý kiến và không cung cấp tài liệu, chứng cứ.

- *Kết quả xác minh của Tòa*: Bị đơn có cư trú tại Làng D, xã B, huyện G, tỉnh Gia Lai nhưng đã bỏ đi khỏi địa phương, không thông báo địa chỉ mới.

- *Ý kiến của Kiểm sát viên:* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tiến hành tố tụng và nguyên đơn đảm bảo, bị đơn chưa thực hiện đúng quy định. Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Theo kết quả xác minh của Tòa án thì bị đơn có địa chỉ cư trú đúng với địa chỉ nguyên đơn đã ghi trong đơn khởi kiện và đúng với địa chỉ ghi trong hồ sơ vay tiền. Tuy nhiên, khi Tòa án tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, bị đơn đã đi khỏi nơi cư trú, không xác định thời điểm trở về, không thông báo cho nguyên đơn và cơ quan có thẩm quyền biết về nơi cư trú mới

theo quy định tại khoản 3 Điều 40 và Điều 277 của Bộ luật Dân sự năm 2015, cố tình giấu địa chỉ. Do đó, Tòa án tiến hành niêm yết đơn khởi kiện, tài liệu, chứng cứ kèm theo và các văn bản tố tụng tại nơi cư trú nêu trên, đảm bảo cho việc tiếp nhận thông tin và tiến hành giải quyết theo thủ tục chung được quy định tại Điều 177 và Điều 192 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Bị đơn đã được tống đạt đơn khởi kiện, các tài liệu, chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện của nguyên đơn nhưng không có ý kiến phản đối, đồng thời các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vay tiền là Danh sách hộ gia đình đề nghị vay vốn (BL04, 08), giấy đề nghị vay vốn, giấy ủy quyền của ông B cho bà N (BL05) có xác nhận của UBND xã B. Do đó, có căn cứ xác định các chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp là đúng sự thật.

[4] Ngân hàng cho vay theo chương trình cho vay đối với đối tượng chính sách về tín dụng thực hiện chiến lược quốc gia về cấp nước sạch, vệ sinh môi trường nông thôn và sản xuất kinh doanh tại vùng kinh tế xã hội khó khăn. Chủ thể cho vay là hộ gia đình, do bà N đại diện xác lập giao dịch, ông B có văn bản ủy quyền cho bà N thực hiện việc xác lập, thực hiện giao dịch. Do đó, người có nghĩa vụ trả nợ tiền vay cho Ngân hàng C là ông B, bà N theo quy định tại Điều 101 của Bộ luật Dân sự 2015.

[5] Thời hạn trả nợ hai khoản vay chưa đến hạn, tuy nhiên bị đơn đã bỏ đi khỏi nơi cư trú, không thông báo địa chỉ mới cho nguyên đơn, nên có căn cứ xác định bị đơn đã không còn sử dụng tiền vay đúng mục đích vay là để cải tạo, chăm sóc vườn cà phê, cố tình che giấu địa chỉ, cung cấp thông tin sai sự thật, đồng thời đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc, nợ lãi. Do đó, nguyên đơn có quyền khởi kiện, chấm dứt việc cho vay, thu hồi nợ trước hạn theo quy định tại Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả nợ gốc, lãi theo thỏa thuận phù hợp với quy định tại các điều 91, 94, 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010.

[6] Căn cứ vào giấy đề nghị vay vốn, sổ lưu tờ rời theo dõi việc cho vay và bảng kê tính tiền lãi của Ngân hàng C cung cấp thì bị đơn còn nợ nguyên đơn đối với hai khoản vay, cụ thể: Tiền nợ gốc 42.000.000đ. Tiền lãi từ ngày 15/12/2017 đến ngày 31/12/2017 là (42.000.000đ x 0,75/%/30 x 17 ngày =) 178.500đ, tiền lãi từ ngày 01/01/2018 đến ngày xét xử 14/8/2019 là (42.000.000đ x 9% / 365 x 591 ngày =) 6.120.493đ, đã trả 3.148.271đ, còn phải trả tiền lãi là 3.150.722đ. Tổng cộng là 45.150.722đ.

Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 45.148.274đ. Ngoài ra, kể từ tiếp theo ngày xét xử, bị đơn còn phải chịu tiền lãi đối với nghĩa vụ chậm trả tiền theo mức lãi suất quá hạn đã thỏa thuận là 11,7%/năm.

[10] Về án phí: Bị đơn phải chịu 2.414.827đ tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ trả tiền.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các điều 39, 40, 147, 192, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các điều 91, 94, 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 101 Bộ luật Dân sự 2015;

- Áp dụng Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử:

1. Bà Nguyễn Thị Thanh N và ông Nguyễn Tất B có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng chính sách xã hội số tiền 45.148.274đ (bốn mươi lăm triệu một trăm bốn tám nghìn hai trăm bảy mươi bốn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, Nguyễn Thị Thanh N và ông Nguyễn Tất B còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn các bên thỏa thuận là 11,7%/năm.

2. Bà Nguyễn Thị Thanh N và ông Nguyễn Tất B phải liên đới nộp số tiền 2.257.414đ (hai triệu hai trăm năm mươi bảy nghìn bốn trăm mười bốn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Ia Grai;
- Chi cục THA dân sự huyện Ia Grai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký tên, đóng dấu)

Nguyễn Văn Huy